

Số: 67/2026/QĐST-HNGĐ

Lai Châu, ngày 24 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 106/2026/TLST – HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

1. Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Tổ dân phố Thành Công, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu

2. Chị Thành Thị N, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Lai Châu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh Nguyễn Ngọc S và chị Thành Thị N trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Ngọc S và chị Thành Thị N là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/3/2018 tại UBND xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu (nay là UBND phường T, tỉnh Lai Châu). Đến nay, anh S và chị N thực sự tự nguyện ly hôn và đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên cần được Tòa án chấp nhận.

[2] Anh Nguyễn Ngọc S và chị Thành Thị N đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu chia tài sản chung, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải, hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc S và chị Thành Thị N.

- Về việc nuôi con: anh Nguyễn Ngọc S và chị Thành Thị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải N1, sinh ngày 26/6/2018. Chị Thành Thị N và anh Nguyễn Ngọc S thỏa thuận về việc nuôi con sau khi ly hôn như sau:

Anh Nguyễn Ngọc S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hải N1 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Thành Thị N và anh Nguyễn Ngọc S thỏa thuận để chị Thành Thị N là người cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng (*bằng chữ: hai triệu đồng*) cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Phương thức cấp dưỡng: Chị Thành Thị N sẽ cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của anh Nguyễn Ngọc S theo số tài khoản: 8847960302 mang tên Nguyễn Ngọc S được mở tại Ngân hàng B – Chi nhánh L.

Thời điểm cấp dưỡng: Tính từ ngày 15/4/2026 trở đi cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Chị Thành Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, anh S có đơn yêu cầu thi hành án, chị N chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về chia tài sản (tài sản chung, nợ chung, cho vay chung): chị Thành Thị N và anh Nguyễn Ngọc S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Nguyễn Ngọc S và chị Thành Thị N thỏa thuận anh S là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Xác nhận anh Nguyễn Ngọc S đã nộp đủ số tiền lệ phí việc Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo biên lai số 0000080 ngày 02/3/2026 tại Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 1 - Lai Châu

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND KV1- Lai Châu;
- Phòng THADS Khu vực 1- Lai Châu;
- UBND phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Vân Anh